TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 26 – 3 – 2024

V/v Ly hôn giữa
chị Tvà anh E

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 470/2023/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1989, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi cư trú: Số G, tổ C, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: Số A, đường số A, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Số điện thoại: 0389. 437. 609

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Thảo E, sinh năm 1985, *(vắng mặt).*

Nơi cư trú: tổ F, ấp P, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2023 và trong qua trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2007 chị và

anh Nguyễn Văn Thảo Em đồng ý kết hôn, năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 153, Quyển số 01/08 ngày 01/9/2008. Sau khi kết hôn chị và anh Thảo E sống tại nhà cha mẹ ruột của chị, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do anh chị không còn phù hợp nhau trong cách sống, cự cãi và đánh nhau, anh Thảo E thường xuyên uống rượu, chị và gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi, từ tháng 01/2020 đến nay anh chị ly thân và không hàn gắn. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh Thảo E.

- Nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan N, sinh ngày 15/6/2016, chị T đang nuôi dưỡng cháu N. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu càu anh Thảo E cấp dưỡng. Tại văn bản ngày 28/8/2023 cháu Nguyễn Ngọc Lan N có nguyện vọng sống với mẹ.

- Chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Thảo E (là bị đơn) đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của anh Thảo E.

- Tại Biên bản xác minh ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Toà án được ông Nguyễn Văn K (cha ruột anh Thảo E) cho biết, sau khi cưới chị T và anh Thảo E ở tại nhà cha mẹ chị T được vài năm, sau đó anh chị đi tỉnh Bình Dương làm việc, tại đây vợ chồng có cãi vã nhưng ông không biết nguyên nhân, vợ chồng có ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn anh Thảo E thì ông không có ý kiến, tùy theo quyết định của anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T đối với anh Nguyễn Văn Thảo E theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, giao con chung tên Nguyễn Ngọc Lan N, sinh ngày 15/6/2016 cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Thảo E cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Thảo E, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Thảo E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Thảo E.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị T và Thảo E là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, theo chị T khai vợ chồng mâu thuẫn do không phù hợp nhau về cách sống và anh Thảo E uống rượu nhiều, chị T và gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng anh Thảo E không thay đổi, vợ chồng cãi vã và đánh nhau, anh chị có thời gian dài ly thân từ năm 2020 đến nay không hàn gắn, cha của anh Thảo E cho biết anh chị có mâu thuẫn và có ly thân từ năm 2020 đến nay, từ lúc chị T khởi kiện ly hôn đến nay anh Thảo E cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho ly hôn giữa chị T và anh Thảo E.

[2.2] Nuôi con chung: chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Lan N, hiện tại chị đang nuôi cháu N và cháu N đã trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Chị T đang nuôi con ổn định, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nhưng chị T không yêu cầu anh Thảo E cấp dưỡng cho con là sự tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh Thảo E có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh Thảo E trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Thảo E.

2. Nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn Ngọc Lan N, sinh ngày 15/6/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại chị T đang nuôi cháu N. Chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, nên anh Thảo E không phải cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Văn Thảo E không trực tiếp nuôi con, ông có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Ánh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Thảo E trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006312 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã Bình Thạnh Đông, H.P, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương